



VP AUDIT

INCREASING YOUR VALUE

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

Đã được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT

HÀ NỘI, 2014

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt

Số 10, Ngõ 462, Đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội

[T] (844) 6288 3366 [F] (844) 3761 5599 [E] vpa@vpaudit.vn

vpaudit.vn / vpaudit.net

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	7 - 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013</i>	12 - 13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2013</i>	14 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khởi phát về Công ty

Công ty Cổ phần Giấy Việt Trí là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Giấy Việt Trí, theo Quyết định số 1700/QĐ - BCN ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1807000719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 2 ngày 29 tháng 11 năm 2012 đăng ký tăng vốn điều lệ từ 47.000.000.000 VND thành 65.000.000.000 VND và đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bột giấy, giấy và hia (mã ngành 1701); đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 28 tháng 10 năm 2013 về việc tăng vốn điều lệ từ 65.000.000.000 VND thành 73.450.000.000 VND.

Vốn điều lệ:

73.450.000.000 VND

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Giấy Việt Trí	21.300.000.000	29,00%
Ông Nguyễn Văn Hiện	5.294.940.000	7,21%
Công ty TNHH Tân Phú Cường	6.272.780.000	8,54%
Ông Nguyễn Thanh Sơn	3.924.860.000	5,34%
Công ty TNHH Mai Anh	3.799.600.000	5,17%
Ông Nguyễn Nam Khánh	3.104.380.000	4,23%
Ông Nguyễn Duy Hưng	3.123.640.000	4,25%
Ông Đoàn Thế Rồng	2.488.260.000	3,39%
Ông Đặng Văn Sơn	999.910.000	1,31%
Công ty Cổ phần Huy Hoàng	2.310.570.000	3,15%
Các cổ đông khác	20.870.560.000	28,41%
Cộng	73.450.000.000	100,00%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường Sông Thao, phường Bến Giát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại : (0210) 3 862 761
Fax : (0210) 3 862 754
Mã số thuế : 2600107284

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất bột giấy, giấy và hia;
- Kinh doanh các sản phẩm bột giấy và giấy;
- Kinh doanh và chế biến lâm sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu bột giấy, giấy, vật tư và hóa chất, thiết bị phục vụ ngành giấy;
- Sản xuất làm hộp, đóng gói sản phẩm;
- Kinh doanh vận tải;
- In và các dịch vụ liên quan đến in.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (mập mờ)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm 2013, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 65.000.000.000 VND lên 73.450.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Công văn số 5750/UBCK-QT.PH ngày 17 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức Công ty Cổ phần Giấy Việt Trí.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và báo thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty không định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hiến	Chủ tịch		
Ông Khương Minh Trí	Ủy viên		22 tháng 6 năm 2013
Ông Nguyễn Hồng Hà	Ủy viên		22 tháng 6 năm 2013
Bà Ngô Thị Thu Hương	Ủy viên	22 tháng 6 năm 2013	
Ông Đặng Văn Sơn	Ủy viên	22 tháng 6 năm 2013	
Bà Lê Thị Minh Loan	Ủy viên	22 tháng 6 năm 2013	
Ông Trần Quốc Hải	Ủy viên	22 tháng 6 năm 2013	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Quốc Hải	Trưởng Ban		22 tháng 6 năm 2013
Ông Nguyễn Công Thành	Trưởng Ban	22 tháng 6 năm 2013	
Bà Lê Thị Minh Loan	Thành viên		22 tháng 6 năm 2013
Ông Cao Thế Viên	Thành viên		22 tháng 6 năm 2013
Ông Hoàng Văn Nam	Thành viên	22 tháng 6 năm 2013	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hiến	Tổng Giám Đốc
Ông Khương Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán việc

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ
BAO CẢO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nội nhân của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phân tích trong thực và hợp lý tính bình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phát:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoạn và các ước tính một cách thận trọng;
- Nếu số các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trong yếu tố với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính, các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân tích tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tính bình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phân tích trong thực và hợp lý tính bình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

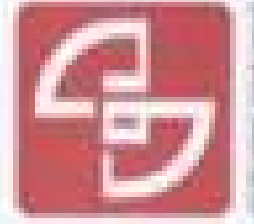
Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hậu

Ngày 05 tháng 03 năm 2014



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỌC LẬP

Số : 38/2013/VPA-BCTC
Ngày : 06 tháng 03 năm 2014

Nơi nhận : Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì

Dương Sáng Thọ, phường Bến Gốc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Về việc : BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì, được lập ngày 06 tháng 03 năm 2014 từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên kết quả của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi được hiểu đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thông tin Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã cấp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhận xét

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vào đề sau:

Khoản nợ gốc và lãi đến hạn phải trả Bộ Tài chính do Bộ Tài chính ban lãnh doanh nợ nước ngoài và mua máy móc thiết bị xây chuyên san xuất bao gói 23.000 tấn/năm đang được quy đổi từ đồng đô la Mỹ (USD) thành đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá tại thời điểm nhận nợ (11/12/2004) là 13.77 VNĐ/USD (xem thêm các thuyết minh T.14, 19, 21, 22).

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHẬN VIỆT

Phụ Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNKT số: 0053-2013-124-1

Kiểm toán viên

A blue ink signature, likely belonging to Hồ Xuân Hà.

Hồ Xuân Hà

GCNĐKHNKT số: 1603-2013-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thụ, phường Bến Gỗ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã tổng thuyết	Đơn vị tính: VNĐ	
		Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	359.612.869.941	352.722.345.957
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	14.245.796.728	2.798.297.837
1. Tiền	111	14.245.796.728	2.798.297.837
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	122.469.210.043	129.837.199.267
1. Phải thu khách hàng	131	113.871.436.126	128.112.856.115
2. Trả trước cho người bán	132	7.237.039.490	1.100.845.207
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	406.283.403	769.156.539
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	139	(1.565.548.977)	(943.748.994)
IV. Hàng tồn kho	140	221.309.632.177	219.917.318.762
1. Hàng tồn kho	141	221.309.632.177	219.917.318.762
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.588.230.994	969.628.091
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	912.312.921	855.803.728
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	510.171.010	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	165.847.063	113.817.363

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Giẽ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng của đối kế toán (tiếp theo)

		Mã		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Thuyết minh					
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		186.228.065.971		330.601.560.330	
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-		-	
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-		-	
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-		-	
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-		-	
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-		-	
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khác	219		-		-	
II. Tài sản cố định		220		237.245.260.328		273.529.874.680	
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	232.843.726.433		266.100.637.313	
	Nguyên giá	222		620.389.453.700		694.337.317.212	
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(377.545.709.267)		(338.236.679.899)	
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	4.365.689.743		6.058.967.140	
	Nguyên giá	225		8.463.886.983		8.463.886.983	
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.098.197.242)		(2.405.419.843)	
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-		-	
	Nguyên giá	228		-		-	
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		-		-	
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	35.844.152		1.170.770.227	
III. Bất động sản đầu tư		240		-		-	
	Nguyên giá	241		-		-	
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-		-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		-		-	
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-		-	
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-		-	
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-		-	
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-		-	
V. Tài sản dài hạn khác		260		48.982.805.643		97.071.685.650	
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	48.533.280.043		96.622.160.050	
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-		-	
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.13	449.525.600		449.525.600	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		645.849.935.912		683.323.996.287	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thâm, phường Bến Gỗ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

		Mã Thuật		Số đầu năm		Số cuối năm	
		số		mức		số đầu năm	
NGUỒN VỐN							
A - MỘT SỐ PHẢI TRẢ							
I.	Nợ ngắn hạn			558.602.376.900		607.100.347.519	
1.	Vay và nợ ngân hàng			383.967.656.905		387.914.141.156	
2.	Phải trả người bán	V.14		241.903.445.391		260.505.423.233	
3.	Phải trả người mua	V.15		107.287.131.452		83.977.517.198	
4.	Người mua trả tiền trước	V.16		93.103.299		3.603.179.634	
5.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17		3.606.801.798		7.297.040.924	
6.	Phải trả người lao động		V.18	18.791.335.330		16.582.413.716	
7.	Chi phí phải trả			2.310.495.404		1.796.447.534	
8.	Phải trả nội bộ			-		-	
9.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			-		-	
10.	Các khoản phải trả, phải nộp ngân hàng khác	V.19		8.822.077.488		11.499.477.316	
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn			-		-	
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	V.20		1.153.266.823		692.641.801	
13.	Quy khâm thường, phúc lợi			-		-	
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			-		-	
II.	Nợ dài hạn			174.634.719.995		219.191.206.541	
1.	Phải trả dài hạn người bán			-		-	
2.	Phải trả dài hạn nội bộ			-		-	
3.	Phải trả dài hạn khác			-		-	
4.	Vay và nợ dài hạn	V.21		40.444.400.041		48.531.280.977	
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			-		-	
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	V.22		134.190.319.954		170.657.926.316	
7.	Dự phòng phải trả dài hạn			-		-	
8.	Doanh thu chưa thực hiện			-		-	
9.	Quy phải triển khai hợp và công nghệ			-		-	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU				87.238.558.932		76.218.558.768	
I.	Vốn chủ sở hữu			87.238.558.932		76.218.558.768	
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu			73.450.000.000		65.000.000.000	
2.	Thặng dư vốn cổ phần			-		-	
3.	Vốn khác của chủ sở hữu			-		-	
4.	Cổ phiếu quỹ			-		-	
5.	Chênh lệch đánh giá tài sản			-		-	
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			-		-	
7.	Quy đầu tư phát triển			-		-	
8.	Quy dự phòng tài chính			1.477.943.346		963.279.346	
9.	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu			-		-	
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			-		-	
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			12.310.613.586		10.253.279.422	
12.	Quy bổ trợ sắp xếp doanh nghiệp			-		-	
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác			-		-	
1.	Nguồn kinh phí			-		-	
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định			-		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				645.840.935.912		683.323.906.287	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Choi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận gửi bán, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược	-	-	-
4. Nợ kho đối đã xử lý	-	-	-
5. Người tự các loại: Dollar Mỹ (USD) Euro (EUR)	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

Người lập biểu

Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Loan

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chiếm tài chính kể từ thời ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

	Đơn vị tính: VNĐ			
CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	1.000.202.500,114	998.594.478,966
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.1	11.574.652,357	4.012.055,123
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.008.627.847,757	994.582.423,843
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	904.005.542,363	899.868.640,970
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.022.305,394	94.713.782,867
6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	V1.3	42.813,400	79,175,441
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	36.065,205,313	53.156,354,113
Trong đó: chi phí lãi vay	23		32.579,009,369	40.122,277,169
8. Chi phí bán hàng	24	V1.4	18.355,935,290	16.781.002,457
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V1.6	13.231,562,230	11.737.002,518
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.411,326,027	13.128,519,320
11. Thu nhập khác	31	V1.7	1.125,615,050	1.279,019,355
12. Chi phí khác	32	V1.8	938,713,730	677,748,209
13. Lợi nhuận khác	40		186,901,311	601,271,146
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.599,227,338	13.729,790,669
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.208,611,752	3.476,511,047
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.310,615,586</u>	<u>10.253,279,622</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	<u>1.674</u>	<u>1.686</u>

Người lập báo

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hòa

Lê Thị Minh Loan

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bão Gốc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

	id	miinh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.599.222.508	13.729.790.669
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khoản hao tài sản cố định	02		43.208.476.879	46.002.209.733
- Các khoản dự phòng	03		619.800.383	293.748.594
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(130.150.472)	(79.175.441)
- Chi phí lãi vay	06		32.579.009.369	48.122.277.169
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		94.876.362.688	108.078.858.524
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.285.808.132	10.895.641.415
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.392.311.415)	32.621.857.919
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.804.243.829	(52.285.794.020)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.052.572.814	(20.657.210.275)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(34.918.919.616)	(48.134.777.169)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.338.956.281)	(2.419.249.892)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	64.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(829.990.000)	(526.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		74.638.898.141	22.638.678.902
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.130.905.954)	(6.729.343.627)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		209.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	79.175.441
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.121.813.644)	(6.650.167.586)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BAO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị: VNĐ

CHI TIẾT

số / nghìn Năm nay Năm trước

III. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	18.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	747.721.996.472	569.851.088.840
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(800.919.580.676)	(601.668.842.168)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(1.872.000.000)	(1.912.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.631.872.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(55.069.584.204)	(22.767.225.848)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.447.498.891	(1.782.774.532)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.798.297.837	4.581.072.369
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	14.245.796.728	2.798.297.837

Người lập báo cáo

Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Loan

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Diện

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRI

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Giàu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất
3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Kinh doanh các sản phẩm bột giấy và giấy;
- Kinh doanh và chế biến lâm sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu bột giấy, giấy, vật tư và hóa chất, thiết bị phục vụ ngành giấy;
- Sản xuất hộp, đóng gói sản phẩm;
- Kinh doanh vận tải;
- In và các dịch vụ liên quan đến in



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các lường tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn từ hai hoặc dài hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dùng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo báo đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sóng Thau, phường Bưởi Giốc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Loại tài sản, số định	Số năm (đối với TSCĐ mua sắm mới)	Số năm (đối với TSCĐ đánh giá lại khi CPIU)
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	01 - 15
Máy móc và thiết bị	03 - 07	01 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06	01 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	01 - 04

Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, đối với các tài sản cố định hữu hình doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC này không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Thông tư này thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân ảnh toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

4. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sử hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

7. Chi phí trả vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí lãi vay phải trả Bộ Tài Chính

Chi phí lãi vay phải trả Bộ Tài Chính là số lãi vay phát sinh từ số tiền nợ nước ngoài do Bộ Tài chính bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (trước đây là Công ty Giấy Việt Trì) vay và đang được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ theo thời hạn trả nợ. Đơn vị đã nhận nợ với Bộ Tài chính theo Biên bản đối chiếu số liệu nợ nước ngoài của Công ty Giấy Việt Trì vay đầu tư xây chuyển sản xuất bao gói 25.000 tấn/năm ngày 05 tháng 04 năm 2006. Tỷ giá được quy đổi khoản gốc và lãi vay bằng ngoại tệ thành đồng Việt Nam được tính tại thời điểm 31/12/2004 là 15.717 VND/USD.

Chiếm lĩnh nợ gốc phải trả Bộ Tài Chính

Chiếm lĩnh nợ gốc phải trả Bộ Tài Chính là số tiền phát sinh do chênh lệch giữa tỷ giá ước tính theo lịch trả nợ của Hợp đồng số 01/HD ngày 12 tháng 06 năm 2007 với tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại từng thời điểm trả nợ cho Tập đoàn Daewoo từ kỳ trả nợ 20/05/2005 đến 29/11/2011, được xác định lại theo công văn số 5278/BTC-QLN ngày 19/4/2012 với lịch trả nợ hàng năm bắt đầu từ kỳ 20/5/2012 đến 20/11/2019 và đang được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ theo thời hạn trả nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Biên Giới, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã mua vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các mức tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Phần đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đi đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cả tức

Cả tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Tài sản tài chính

Phần loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông, Tháo, phường Bến Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngươi) trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính phi phái sinh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và định ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

15. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được sắp xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngươi) trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Giọt, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng.) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các dòng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hạn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi số hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi số ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được thông lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trả đi toàn bộ nghĩa vụ.

16.

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu công cụ chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giải thích với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Chín năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	45.646.929	65.491.432
Tiền gửi ngân hàng	14.200.149.799	2.732.806.405
Cộng	14.245.796.728	2.798.297.837

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần SX Thương Mại PP	19.253.675.303	1.054.884.344
Công ty Cổ Phần In và Bao Bì Golden	3.000.948.423	2.308.613.428
Công ty TNHH in BB TM Vĩnh An	1.255.480.314	943.712.078
Công ty TNHH Bao bì Việt Thống	6.194.010.486	4.402.216.214
Công ty TNHH Hòa Bình	20.457.428.621	13.604.814.775
Công ty TNHH Hoa Việt	5.465.465.629	4.450.234.041
Công ty TNHH MTV in tạp chí Công Sơn	2.054.352.520	1.784.624.270
Công ty TNHH Thanh Đông	2.540.571.736	4.799.778.416
Công ty TNHH Việt Cường	-	7.211.995.029
DN TN Bao Bì Minh Đông	1.853.255.110	1.369.401.462
HTX In Minh Khai	1.884.579.239	1.884.579.239
Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hải Phòng	696.845.050	13.334.053.810
Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hải Phòng	-	11.640.682.921
Công ty TNHH Giấy Ngọc Phát	1.668.903.750	2.369.798.455
Công ty TNHH Giấy Tiến Thành	733.532.360	2.389.555.080
Doanh nghiệp tư nhân Hoa Nam	2.441.746.410	2.716.401.786
Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TPHCM	4.586.368.867	-
Công ty Cổ phần bao bì Habeco	3.802.485.860	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thành Đô	4.875.708.172	1.378.342.732
Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Đà Nẵng	992.778.380	-
Các đối tượng khác	32.113.219.896	30.469.168.035
Cộng	115.871.436.126	128.112.856.115

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM & XD Phương Linh	-	17.000.000
Công ty Cổ phần Dầu tư TM & Dịch Hải Minh	-	160.000.000
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thịnh Hưng	-	548.144.717
Công ty TNHH Hoàng Nam	307.754.490	307.754.490
Công ty Cổ phần CK Xây Lập & TM Quốc Oai	3.500.000.000	-
Rockwell Automation Southeast ASIA Pte LTD	3.836.885.000	-
Các đối tượng khác	62.400.000	67.946.000
Cộng	7.757.839.490	1.100.845.207

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Giàn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tếp theo)

4. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT (TSCĐ) thuế tài chính	264.591.950	434.683.766
Thuế TNCN phải thu	141.781.453	168.655.241
BHXH nộp thừa	-	165.817.512
Cộng	<u>406.373.403</u>	<u>769.156.519</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác

Tính hình thức định dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	945.748.594
Trích lập dự phòng bổ sung	619.800.383
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối năm	<u>1.565.548.977</u>

6. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	127.275.568.003	146.151.855.886
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.544.581	35.823.156
Thành phẩm	38.339.327.101	5.056.152.620
Hàng gửi đi bán	45.337.312.644	60.830.760.553
Cộng	<u>10.332.879.648</u>	<u>7.842.726.547</u>
	<u>221.309.632.177</u>	<u>219.917.318.762</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm nay
Số đầu năm	855.802.728
Tăng trong năm	992.933.647
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(936.525.454)
Số cuối năm	<u>912.212.921</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

Là tiền tạm ứng cho các bộ công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍĐịa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gỗ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BẢO CAO TẠI CHỖCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Machinery thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền điện	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Nguyên giá	63.662.202.199	525.218.808.206	15.004.701.274	471.605.563	604.337.517.212
Số đầu năm	2.184.604.683	6.850.453.818	1.195.454.545	177.318.181	10.333.831.229
Tăng trong năm	-	6.530.433.378	1.193.434.343	177.318.181	8.171.236.544
Giảm trong năm	2.184.604.683	-	-	-	2.184.604.683
Giảm do thanh lý	-	(3.760.905.530)	(544.807.211)	-	(4.305.712.741)
Giảm do chuyển lý sử dụng khác	-	(3.113.297.120)	(344.807.111)	-	(3.458.104.231)
Giảm theo Thông tư 4/2013-TT-BTC	-	(447.605.403)	-	-	(447.605.403)
Số cuối năm	65.826.896.854	528.308.356.494	15.655.348.698	598.923.744	610.389.435.790

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.067.038.943	24.337.461.433	1.894.601.472	307.453.496	46.506.555.346
Giá trị hao mòn	45.071.833.284	284.050.326.886	8.713.849.379	400.670.330	338.316.679.899
Số đầu năm	1.064.273.487	39.010.093.543	1.369.799.376	71.531.867	43.513.698.673
Tăng trong năm	-	(3.790.802.530)	(465.866.775)	-	(4.206.669.305)
Giảm do thanh lý, chuyển bán	(3.113.297.120)	(403.064.723)	-	-	(3.779.163.843)
Giảm theo Thông tư 4/2013-TT-BTC	(477.503.403)	-	-	-	(477.503.403)
Số cuối năm	48.136.186.771	319.578.815.369	9.151.915.695	473.202.217	377.948.799.267

Giá trị còn lại

Số đầu năm	18.570.368.882	241.168.481.320	6.290.851.895	70.935.213	266.100.637.313
Số cuối năm	17.699.799.683	212.729.541.325	6.503.433.690	126.721.527	232.803.726.433

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 582.326.650.791 VND và 216.592.496.416 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hưng Yên, ngân hàng TMCP Quân đội - CN Việt Trì, ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Thọ.

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

TSCĐ thuê tài chính là máy móc thiết bị. Chi tiết phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	8.463.886.985	2.405.419.845	6.058.467.140
Tăng trong năm	-	1.692.777.397	-
Giảm trong năm	-	-	(1.692.777.397)
Số cuối năm	8.463.886.985	4.098.197.242	4.365.689.743

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Giếc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Chi phí phát sinh		Số cuối năm
	Số đầu năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	
Mua sắm TSCĐ	-	35.844.152	35.844.152
XDCB dở dang	1.170.770.227	813.834.458	2.184.604.685
+ Công trình nhà ở	1.170.770.227	813.834.458	2.184.604.685
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	170.000.000	170.000.000
Cộng	1.170.770.227	1.019.678.610	2.354.604.685

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay		Năm trước
	Năm nay	Số đầu năm	
Lãi vay phải trả BTC	27.615.564.383	-	32.218.158.441
Chính sách tỷ giá phải trả BTC	20.917.715.660	-	24.404.001.609
Cộng	48.533.280.043	-	56.622.160.050

13. Tài sản dài hạn khác

Là khoản đặt cọc thuế tài chính tại Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công Thương Việt Nam.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Vay ngắn hạn ngân hàng	174.270.336.029	202.613.005.875	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hưng Vương ^(a)	79.780.729.736	69.947.161.302	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Thọ ^(b)	6.938.173.690	12.991.346.529	
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Việt Trì ^(c)	87.551.432.603	119.674.498.243	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	31.165.503.000	21.424.811.000	
- Cán bộ công nhân viên	31.165.503.000	21.424.811.000	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số P.22)	15.316.892.362	15.316.892.358	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hưng Vương	10.000.000.000	10.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Việt Trì	5.316.892.362	5.316.892.358	
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số P.22)	21.150.714.000	21.150.714.000	
- Bộ Tài chính	19.278.714.000	19.278.714.000	
- Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công Thương Việt Nam	1.872.000.000	1.872.000.000	
Cộng	241.903.445.391	300.505.423.233	

^(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hưng Vương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 13.43.003/HDDD ngày 27 tháng 03 năm 2013 để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ máy móc xưởng, dây chuyền sản xuất Giấy bao gói công nghiệp 25.000 tấn/năm của nhà máy II, gắn liền với quyền sử dụng đất thuê 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM Đại Phúc An	5.496.476.985	5.704.691.350
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại PP	25.806.252.900	-
Công ty TNHH H/C và TB Công nghiệp Anphal Việt Nam	5.212.800.000	-
Các đối tượng khác	22.095.492.817	10.537.716.011
Cộng	107.287.131.452	83.977.517.198

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM & Kho Vận DEVYT	-	5.547.778.530
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mêkong	49.014.900	-
Công ty TNHH XD và Thương mại Mai Hưng	25.249.842	25.249.842
Công ty TNHH SX và Thương mại Hòa Hưng	10.451.132	10.451.132
Đối tượng khác	8.387.425	19.700.130
Cộng	93.103.299	5.603.179.634

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.015.766.704	17.030.110.678	21.045.877.382	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	492.815.302	492.815.302	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.370.516.831	4.288.611.752	3.338.956.291	3.320.172.292
Thuế thu nhập cá nhân	238.207.189	292.314.806	266.167.189	264.354.806
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	672.550.200	1.960.219.500	2.610.495.000	22.274.700
Các loại thuế khác	-	120.446.147	120.446.147	-
Cộng	7.297.040.924	24.184.518.185	27.874.757.311	3.606.801.798

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.599.227.338	13.729.790.469
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	555.219.669	176.253.720
Thuế nhà thầu	555.219.669	176.253.720
Thuế GTGT theo biên bản kiểm tra thuế	9.450.947	-
Phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội	5.041.635	-
Chi phí lãi vay vượt quy định	3.673.591	21.034.770
Phạt vi phạm hành chính	6.279.886	80.218.950
Phạt vi phạm môi trường	130.000.000	3.000.000
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	24.000.000	22.000.000
<i>Chi ứng hộ địa phương</i>	50.000.000	50.000.000
<i>Chi phí cải tạo sân bóng chuyền</i>	178.832.800	-
<i>Thuế TNCN lãi vay CBCNV</i>	147.940.810	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	17.154.447.007	13.906.044.189
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	4.288.611.752	3.476.511.047
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.288.611.752	3.476.511.047

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 127.287 m² đất đang sử dụng.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước tiền điện, nước sản xuất	2.244.959.226	1.380.625.760
Trích trước phí kiểm toán	-	81.818.182
Trích trước tiền vận tải	51.800.000	95.234.000
Trích trước tiền phí quản lý lưới điện	-	126.263.414
Trích trước chi phí sửa chữa	-	79.000.000
Phải trả tiền dịch vụ cho Công ty TNHH BEETOURS Việt Nam theo hợp đồng 46/HDKT	-	22.110.000
Trích trước phí môi trường	11.396.178	11.396.178
Chi phí phải trả khác	2.340.000	-
Cộng	2.310.495.404	1.796.447.534

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	536.838.415	865.549.237
Bảo hiểm xã hội	32.358.851	-
Quỹ tự nguyện	93.544.104	95.114.103
Lãi vay phải trả Bộ Tài chính	4.602.594.063	4.602.594.063
Lãi vay phải trả Tổng Công ty Giấy Việt Nam	-	2.339.910.247
Phải trả cổ tức năm trước	3.625.000	3.625.000
Chênh lệch tỷ giá phải trả Bộ Tài chính	3.486.285.944	3.486.285.944
Phải trả khác	66.831.111	66.398.922
Cộng	8.822.077.488	11.459.477.516

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	382.641.361	880.615.422	519.990.000	743.266.783
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành công ty	310.000.040	410.000.000	310.000.000	410.000.040
Cộng	692.641.401	1.290.615.422	829.990.000	1.153.266.823

21. Phải trả dài hạn khác

Là lãi vay và chênh tỷ giá phải trả Bộ Tài chính

Chi tiết lịch trả nợ lãi vay và CLTG phải trả Bộ Tài chính tại thời điểm cuối năm:

	CLTG phải trả BTC	Lãi vay phải trả BTC	Cộng
Ngày 20/05/2015	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/11/2015	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/05/2016	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/11/2016	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/05/2017	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/11/2017	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/05/2018	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/11/2018	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/05/2019	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/11/2019	1.743.142.973	2.301.297.032	4.044.440.005
Cộng	17.431.429.721	23.012.970.320	40.444.400.041

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	36.751.474.671	52.068.367.033
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hùng Vương ^(a)	36.751.474.671	46.751.474.671
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Việt Trì ^(b)	-	5.316.892.362
Nợ dài hạn	97.438.845.283	118.589.559.283
- Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	1.045.275.283	2.917.275.283
- Bộ Tài chính ^(c)	96.393.570.000	115.672.284.000
Vay dài hạn cán bộ công nhân viên	-	-
Cộng	134.190.319.954	170.657.926.316

(a)

Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hùng Vương theo hợp đồng tín dụng số 08.21.2003/HĐTD ngày 07/10/2008 (thay thế hợp đồng tín dụng số 99.06.017/HĐTD ngày 12/08/1999) để đầu tư “Dự án đầu tư mới dây chuyền sản xuất giấy bao gói công nghiệp công suất 25.000 tấn/năm”. Tổng số dư nợ là 91.001.474.671 đồng. Thời hạn cho vay: đến 25/11/2017. Lãi suất cho vay bằng nguồn vốn tín dụng Nhà nước:

- Dư nợ 16.944.522.209 lãi suất 9,72%/năm;
- Dư nợ 44.644.676.088 lãi suất 5,4%/năm;
- Dư nợ 29.412.276.374 lãi suất 7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% mức lãi suất trong hạn ghi trên khế ước. Tại thời điểm cuối năm, Doanh nghiệp Nhà nước chưa phải thế chấp tài sản để vay vốn theo Công văn 417/CV-NHNN ngày 31/05/1997.

(b) Khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội - CN Việt Trì theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 385.09.053/5135.TD ngày 25 tháng 09 năm 2009 để thanh toán L/C nhập khẩu máy xeo giấy đồng bộ nhiều lô sảy lưới dài 2640/300 đồng bộ công suất 20.000 tấn/năm theo hợp đồng ngoại số DD-VT090723 ngày 23 tháng 07 năm 2009 và thanh toán chi phí xây dựng, lắp đặt máy xeo vào hoạt động. Thời hạn vay 60 tháng trong đó có 06 tháng ân hạn. Lãi suất vay theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hệ thống máy xeo giấy đồng bộ nhiều lô sảy lưới dài 2640/300 đồng bộ.

(c) Là số tiền Bộ Tài chính bảo lãnh trả nợ Công ty Deawoo thay cho Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (trước đây là Công ty Giấy Việt Trì - đơn vị thành viên Tổng Công ty Giấy Việt Nam). Số nợ này được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính tại thời điểm 31/12/2004 là 15.717 VND/USD và được trả trong vòng 15 năm từ năm 2005 đến năm 2019, trong đó có 2 năm ân hạn. Nợ gốc USD phải trả tại 31/12/2004 là 15.946.000 USD, tại 31/12/2009 là 4.556.000 USD.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	52.068.367.033	15.316.892.362	36.751.474.671	-
Thuế tài chính	2.917.275.283	1.872.000.000	1.045.275.283	-
Nợ dài hạn Bộ Tài Chính	115.672.284.000	19.278.714.000	77.114.856.000	19.278.714.000
Cộng	170.657.926.316	36.467.606.362	114.911.605.954	19.278.714.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	52.068.367.033	-	15.316.892.362	36.751.474.671
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương	46.751.474.671		10.000.000.000	36.751.474.671
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Việt Trì	5.316.892.362	-	5.316.892.362	-
Nợ dài hạn	118.589.559.283	-	21.150.714.000	97.438.845.283
Thuế tài chính Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	2.917.275.283	-	1.872.000.000	1.045.275.283
Bộ Tài chính	115.672.284.000	-	19.278.714.000	96.393.570.000
Cộng	170.657.926.316	-	36.467.606.362	134.190.319.954

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	47.000.000.000	523.279.346	8.840.153.913	56.363.433.259
Cổ đông góp vốn bằng tiền	18.000.000.000			18.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước			10.253.279.422	10.253.279.422
Trích lập các quỹ trong năm trước		442.000.000	(1.320.153.913)	(878.153.913)
Chia cổ tức năm trước			(7.520.000.000)	(7.520.000.000)
Số dư cuối năm trước	65.000.000.000	965.279.346	10.253.279.422	76.218.558.768
Số dư đầu năm nay	65.000.000.000	965.279.346	10.253.279.422	76.218.558.768
Tăng vốn từ lợi nhuận	8.450.000.000		(8.450.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	12.310.615.586	12.310.615.586
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	512.664.000	(1.803.279.422)	(1.290.615.422)
Số dư cuối năm nay	73.450.000.000	1.477.943.346	12.310.615.586	87.238.558.932

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	21.300.500.000	18.850.000.000
Vốn góp của các cổ đông	52.149.500.000	46.150.000.000
Cộng	73.450.000.000	65.000.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm 2010	-	111.472.520
Trả cổ tức năm 2011	-	7.520.000.000
Cộng	-	7.631.472.520

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.345.000	6.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.345.000	6.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.345.000	6.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.345.000	6.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.345.000	6.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Tổng doanh thu	1.080.202.500.114	998.594.478.966
- Doanh thu bán thành phẩm	1.079.987.261.714	980.119.267.550
- Doanh thu bán vật tư	215.238.400	16.680.932.663
- Doanh thu vận chuyển	-	1.761.770.600
- Doanh thu bán hàng nội bộ	-	32.508.153
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(11.574.652.357)	(4.012.055.123)
- Giảm giá hàng bán	(504.187.905)	(88.909.516)
- Hàng bán bị trả lại	(11.070.464.452)	(3.923.145.607)
Doanh thu thuần	1.068.627.847.757	994.582.423.843
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.068.412.609.357	976.107.212.427
- Doanh thu thuần bán vật tư	215.238.400	16.680.932.663
- Doanh thu thuần vận chuyển	-	1.761.770.600
- Doanh thu thuần bán hàng nội bộ	-	32.508.153
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	984.400.967.181	882.369.375.485
Giá vốn bán vật tư	204.575.182	17.499.265.391
Cộng	984.605.542.363	899.868.640.876
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Là lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.		
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	Năm nay	Năm trước
Lãi mua hàng trả chậm	32.579.009.369	48.122.277.169
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.547.791.000
Cộng	3.486.285.944	3.486.285.944
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.483.436.163	1.796.001.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.126.828.339	969.058.057
Cộng	10.745.670.794	14.015.943.296
	18.355.935.296	16.781.002.457

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.662.259.307	5.720.749.766
Chi phí vật liệu quản lý	848.578.325	836.846.936
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.477.272	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	433.361.787	329.788.689
Thuế, phí và lệ phí	2.949.251.971	2.445.084.200
Chi phí dự phòng	619.800.383	295.748.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.227.373.385	436.787.179
Chi phí bằng tiền khác	2.441.459.808	1.662.077.154
Cộng	13.231.562.238	11.727.082.518

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhượng bán TSCĐ	209.090.908	-
Thanh lý phế liệu	113.306.245	508.777.319
Thu tiền điện	663.279.874	755.254.572
Công nợ không phải trả	1.335.440	2.198.437
Nhận bồi thường bảo hiểm	32.000.000	-
Chênh lệch sau kiểm kê	78.802.583	-
Thu nhập khác	27.800.000	12.789.030
Cộng	1.125.615.050	1.279.019.358

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán	78.940.436	-
Tiền điện bán cho lò gạch	552.108.004	485.371.806
Tiền phạt vi phạm môi trường	130.000.000	-
Truy thu thuế GTGT và thuế nhà thầu	14.492.582	-
Tiền phạt chậm nộp BHXH	3.673.591	21.034.770
Tiền phạt vi phạm hành chính	6.729.886	3.000.000
Thuế TNCN tiền lãi vay	147.940.810	125.999.405
chi phí khác	4.828.430	42.342.228
Cộng	938.713.739	677.748.209

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.310.615.586	10.253.279.422
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.310.615.586	10.253.279.422
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.345.000	6.082.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.676	1.686

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.500.000	4.700.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 13 tháng 9 năm 2012	-	537.534
Ảnh hưởng tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	845.000	845.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.345.000	6.082.534

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong năm Đơn vị phát sinh khoản tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 8.450.000.000 VND, làm số lượng cổ phiếu lưu hành tăng thêm 845.000 CP đồng thời làm tăng vốn điều lệ lên tương ứng là 8.450.000.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.109.783.500	736.734.900
Phụ cấp	229.434.000	175.400.000
Tiền thưởng	439.259.200	252.279.300
Cộng	1.778.476.700	1.164.414.200

Giao dịch với bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty là Tổng Công ty Giấy Việt Nam (cổ đông sáng lập).

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Tổng Công ty Giấy Việt Nam như sau:

TCT Giấy Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay phải trả Tổng Công ty	-	1.547.791.000
Trả lãi vay Tổng Công ty	(500.000.000)	(1.500.000.000)
Bán giấy cho Tổng Công ty	7.208.119.400	20.185.084.600
Thuế GTGT bán giấy cho Tổng Công ty	720.811.940	2.018.508.460
Thanh toán tiền mua Nguyên vật liệu	-	(12.720.000.000)
Chuyển tiền mua cổ phiếu	-	5.220.000.000
Bù trừ công nợ	(1.839.910.247)	(22.203.593.060)
Trả tiền cổ tức	-	(2.279.617.500)
Thu tiền hàng	(5.392.176.043)	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	2.450.500.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
TCT Giấy Việt Nam - CN Đà Nẵng		
Bán giấy cho CN Đà Nẵng	5.661.527.720	2.198.483.400
Thuế GTGT hàng bán	566.152.772	214.809.740
Thu tiền hàng	(5.234.902.112)	(2.766.188.480)
TCT Giấy Việt Nam - CN Hồ Chí Minh		
Bán giấy cho CN TP.Hồ Chí Minh	48.122.214.470	61.580.482.033
Thuế GTGT hàng bán	4.812.221.448	6.158.048.204
Thu tiền hàng	(5.000.000.000)	(51.000.000.000)
Mua nguyên vật liệu của CN TP.Hồ Chí Minh	34.573.134.245	53.938.108.542
Cước vận chuyển giấy phải trả	2.649.634.965	2.698.243.503
Hoa hồng đại lý phải trả	337.671.400	741.064.445
Thuế GTGT hàng mua	3.746.815.132	5.737.741.641
Thanh toán tiền mua hàng	-	(52.500.000.000)
Bù trừ công nợ	(43.348.067.051)	(16.738.530.237)
Trả nợ vay ngắn hạn	-	(5.000.000.000)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
TCT Giấy Việt Nam - CN Đà Nẵng		
Phải thu tiền hàng	992.778.380	-
TCT Giấy Việt Nam		
Lãi vay phải trả	-	2.339.910.247
Phải thu tiền hàng	696.845.050	-
TCT Giấy Việt Nam - CN Hồ Chí Minh		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	2.040.811.309
Phải thu tiền hàng	4.586.368.867	-
Cộng nợ phải thu	6.275.992.297	4.380.721.556

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì là sản xuất giấy các loại. Báo cáo kết quả kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này, nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.245.796.728	2.798.297.837
Phải thu khách hàng	114.305.887.149	127.167.107.521
Các khoản phải thu khác	1.021.656.066	1.332.499.502
Cộng	129.573.339.943	131.297.904.860
	129.123.814.343	130.848.379.260

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	376.093.765.345	431.163.349.549	376.093.765.345	431.163.349.549
Phải trả cho người bán	107.287.131.452	83.977.517.198	107.287.131.452	83.977.517.198
Các khoản phải trả khác	70.368.308.263	78.371.618.813	70.368.308.263	78.371.618.813
Cộng	553.749.205.060	593.512.485.560	553.749.205.060	593.512.485.560

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.14 và V.22). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp

Số cuối năm	Giá trị số sách
Nhà cửa vật kiến trúc	15.231.915.981
Máy móc thiết bị	198.870.217.444
Phương tiện vận tải	2.490.362.991
Cộng	216.592.496.416

Số đầu năm

Nhà cửa vật kiến trúc	18.228.792.579
Máy móc thiết bị	236.874.321.211
Phương tiện vận tải	2.992.673.443
Cộng	258.095.787.233

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Từ 1 năm		Trên 1 năm		Cộng
	trở xuống	đến 5 năm	Trên 1 năm	Trên 5 năm	
Vay và nợ	241.903.445.391	114.911.605.954	19.278.714.000	376.093.765.345	
Phải trả người bán	107.287.131.452	-	-	107.287.131.452	
Các khoản phải trả khác	70.368.308.263	-	-	70.368.308.263	
Cộng	419.558.885.106	114.911.605.954	19.278.714.000	553.749.205.060	
Số đầu năm					
Vay và nợ	260.505.423.233	132.100.498.316	38.557.428.000	431.163.349.549	
Phải trả người bán	83.977.517.198	-	-	83.977.517.198	
Các khoản phải trả khác	29.838.338.766	32.355.520.031	16.177.760.016	78.371.618.813	
Cộng	374.321.279.197	164.456.018.347	54.735.188.016	593.512.485.560	

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8.

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt. Riêng chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” đã được điều chỉnh lại do việc tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận theo qui định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”.

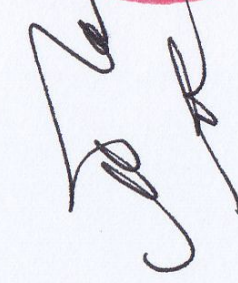
Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



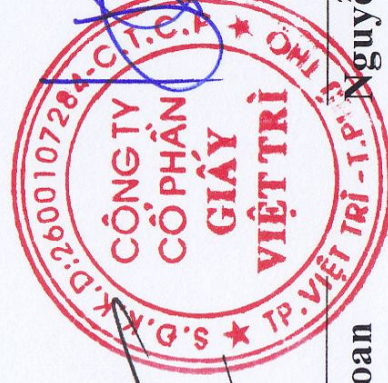
Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiện